DOI: https://doi.org/10.59294/HIUJS2025040

Đánh giá năng lực thực hành chăm sóc của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

Nguyễn Thị Phương Uyên*, Nguyễn Phan Diệu Hiền
Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Đánh giá năng lực thực hành của sinh viên điều dưỡng là vấn đề được quan tâm trên toàn cầu. Mục tiêu: Nghiên cứu nhằm đánh giá năng lực thực hành chăm sóc của sinh viên điều dưỡng và xác định các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực này. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu cắt ngang được thực hiện trên 112 sinh viên năm 3 và năm 4 ngành điều dưỡng tại Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng. Kết quả: Trong số 112 sinh viên, 73.2% là nữ, độ tuổi trung bình 22.3 ± 2.8. Thời gian tự học trung bình là 2.8 giờ/ngày. Về học lực, 35.7% sinh viên đạt loại khá, 25.9% giỏi và 22.3% xuất sắc. Năng lực thực hành cao ở các tiêu chí như chăm sóc liên tục (68.75%), đảm bảo an toàn và tôn trọng người bệnh (65.2%), ứng dụng kiến thức khoa học (64.3%). Tuy nhiên, năng lực xử trí cấp cứu (40.2%) và giáo dục sức khỏe cộng đồng (50.9%) còn hạn chế. Sinh viên năm 4 có năng lực cao hơn năm 3 (p = 0.01). Độ tuổi và học lực có mối liên hệ đáng kể với năng lực thực hành (p = 0.013 và < 0.001). Kết luận: Cần có giải pháp cụ thể nhằm nâng cao năng lực thực hành của sinh viên, từ đó nâng chất lượng đào tạo và đáp ứng yêu cầu thực tế ngành nghề.

Từ khóa: *năng lực lâm sàng, thực hành lâm sàng, thực hành chăm sóc, sinh viên điều dưỡng, điều dưỡng*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đánh giá năng lực thực hành chăm sóc của sinh viên điều dưỡng là một vấn đề được quan tâm rộng rãi trên toàn thế giới, đặc biệt trong bối cảnh yêu cầu về chất lượng nguồn nhân lực y tế ngày càng gia tăng [1 - 3]. Tuy nhiên, việc đánh giá này vẫn là một thách thức đối với các nhà giáo dục và người hướng dẫn lâm sàng do tính chất đa dạng của năng lực điều dưỡng [4, 5]. Nhu cầu về điều dưỡng có năng lực lâm sàng ngày càng trở nên cấp thiết trong hệ thống chăm sóc sức khỏe toàn cầu [2, 4]. Các tổ chức giáo dục đóng vai trò trung tâm trong việc đảm bảo sinh viên tốt nghiệp có đủ năng lực để hành nghề [6, 7]. Tuy nhiên, tại nhiều quốc gia, đặc biệt là ở khu vực châu Phi như Ethiopia, chất lượng đào tạo điều dưỡng còn hạn chế do thiếu nguồn lực, cơ sở hạ tầng và chương trình đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn [8 - 10]. Sự khác biệt giữa tự đánh giá của sinh viên và đánh giá từ người hướng dẫn lâm sàng cũng đặt ra yêu cầu cần có công cụ và phương pháp đánh giá khách quan hơn [5, 11]. Tại Việt Nam, việc đánh giá năng lực sinh viên điều dưỡng ngày càng được chú trọng. Bộ Y tế đã ban hành "Chuẩn năng lực cơ bản của Cử nhân Điều dưỡng Việt Nam" vào năm 2022, với mục tiêu định hướng và chuẩn hóa chương trình đào tạo cũng như sử dụng hiệu quả nhân lực điều dưỡng trong bối cảnh hội nhập khu vực [12]. Một số nghiên cứu trong nước ghi nhận sinh viên có năng lực tốt về kỹ thuật chăm sóc cơ bản nhưng vẫn còn hạn chế trong xử trí tình huống cấp cứu và duy trì chăm sóc liên tục. Mặc dù đã có nhiều nỗ lực cải thiện chất lượng đào tạo, nhưng vẫn còn thiếu các nghiên cứu cụ thể đánh giá năng lực thực hành chăm sóc của sinh viên điều dưỡng trong từng trường đại học, cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực này [13 - 15]. Điều này dẫn đến khoảng trống trong việc đưa ra các giải pháp thiết thực nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo. Nghiên cứu này được thực hiện với mục tiêu tổng quát là đánh giá năng lực thực hành chăm sóc và các yếu tố liên quan của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng. Cụ thể, nghiên cứu tập trung: (1) Xác định mức độ năng lực thực hành chăm sóc của sinh viên năm 3 và năm 4; (2) Phân tích các yếu tố liên quan ảnh hưởng đến năng lực này trong quá

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Phương Uyên
Email: uyenntp@hiu.vn

trình học tập và thực hành lâm sàng. Kết quả nghiên cứu không chỉ cung cấp cái nhìn rõ nét về năng lực hiện tại của sinh viên điều dưỡng mà còn góp phần vào việc điều chỉnh, cải tiến chương trình đào tạo tại các cơ sở giáo dục y khoa. Từ đó, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực điều dưỡng, đáp ứng yêu cầu phát triển của hệ thống y tế trong nước và hội nhập quốc tế.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành trên 112 sinh viên điều dưỡng năm thứ 3 và năm thứ 4 đã tham gia thực hành lâm sàng tại bệnh viện.

Tiêu chuẩn lựa chọn: Tất cả sinh viên năm 3, năm 4 đang học ngành Điều dưỡng, đồng ý tham gia nghiên cứu; có mặt tại thời điểm nghiên cứu và có lịch học thực tập tại các bệnh viện được chỉ định; có đủ năng lực hành vi.

Tiêu chuẩn loại trừ: Sinh viên không có mặt trong thời gian thu thập mẫu.

2.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

- Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 10/2024 đến tháng 5/2025.
- Địa điểm nghiên cứu: Các khoa lâm sàng - Bệnh viện Thống Nhất, Bệnh viện Chợ Rẫy và Bệnh viện Quận 6.

2.3. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện theo thiết kế mô tả cắt ngang.

2.4. Phương pháp chọn mẫu

Phương pháp chọn mẫu được thực hiện bằng cách lập bảng thống kê số lượng sinh viên từng lớp, tính tỉ lệ và số mẫu cần lấy cho mỗi lớp. Sau đó, sử dụng công cụ tạo số ngẫu nhiên để chọn ra số sinh viên cần thiết từ danh sách đã được đánh số. Cỡ mẫu được xác định dựa trên công thức ước lượng một tỷ lệ của nghiên cứu cắt ngang mô tả, với n = 91 sinh viên tối thiểu. Dự trù phần trăm mất mẫu tham gia nghiên cứu (10%) dẫn đến cỡ mẫu cuối cùng là n = 112 sinh viên.

2.5. Phương pháp thu thập số liệu

Nghiên cứu viên tổ chức thu thập số liệu bằng bộ câu hỏi soạn sẵn được sự đồng ý của tác giả Nguyễn Thị Ngọc Hân và cộng sự. Cronbach's alpha 0.98. Bộ câu hỏi gồm hai phần: (1) Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu (5 câu); (2) Năng lực thực hành chăm sóc của sinh viên điều dưỡng được đánh giá bằng bộ câu hỏi gồm 55 câu. Với thang đo từ 0 đến 3, xếp loại năng thực hành chăm sóc dựa trên giá trị khoảng cách để xác định các mức độ đáp ứng năng lực theo giá trị trung bình: Giá trị khoảng cách = (Maximum - Minimum)/n = (3 - 0)/3 = 1. Từ đó, xác định được các mức độ và ý nghĩa củacác giá trị trung bình năng lực, gồm 3 giá trị: Không đáp ứng (từ 0 đến 1 điểm); Đáp ứng một phần (từ trên 1 đến 2 điểm); Đáp ứng tốt (từ trên 2 điểm đến 3 điểm). Đối tượng nghiên cứu sẽ được thông báo mục đích nghiên cứu và giải thích rõ các thắc mắc nếu có.

2.6. Phương pháp xử lý và phân tích số liệu

Sử dụng phần mềm thống kê Stata. Phân tích thống kê bao gồm cả thống kê mô tả (trung bình, độ lệch chuẩn, phân bố tần số) và thống kê suy luận. Các phương pháp thống kê cho phép phân tích toàn diện về năng lực thực hành chăm sóc của sinh viên điều dưỡng.

2.8. Vấn đề đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu đã được trình bày trước Hội đồng đạo đức của Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng và được phê duyệt theo giấy phép số 45/PCT-HĐĐĐ-ĐT vào ngày 20/9/2024. Người tham gia được giải thích về tác hại và lợi ích, việc tham gia là hoàn toàn tự nguyện và có quyền rút khỏi nghiên cứu bất cứ lúc nào mà không bị phân biệt đối xử. Các thông tin bí mật, riêng tư được đảm bảo và chỉ sử dụng cho mục đích khoa học.

3. KẾT QUẢ

3.1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

Tổng cộng 112 sinh viên đã tham gia nghiên cứu. Tuổi trung bình của đối tượng là 22.3 ± 2.8 tuổi, dao động từ 21 đến 39 tuổi. Phân nửa số sinh viên đang theo học năm thứ ba (50.0%) và phân nửa còn lại là năm thứ tư (50.0%). Nữ giới chiếm ưu thế với tỷ lệ 73.2%, trong khi nam giới chiếm 26.8%. Thời gian tự học trung bình mỗi ngày của sinh viên là 2.8 ± 1.1 giờ, dao động từ 1 đến 8 giờ. Về học lực, phần lớn sinh viên đạt loại khá (35.7%), giỏi (25.9%) và xuất sắc (22.3%). Nhóm có học lực trung bình, kém và yếu lần lượt chiếm 9.8%. 5.4% và 0.9%.

Bảng 1. Đặc tính nền của sinh viên tham gia nghiên cứu (n = 112)

Đặc điểm	Tần số	Tỷ lệ (%)
Tuổi	22.3 ± 2.8 (21 - 39)*	
Năm học		
Năm thứ ba	56	50.0
Năm thứ tư	56	50.0
Giới tính		
Nam	30	26.8
Nữ	82	73.2
Thời gian tự học trung bình	2.8 ± 1.1 (1 - 8)*	
Học lực		
Kém	6	5.4
Yếu	1	0.9
Trung bình	11	9.8
Khá	40	35.7
Giỏi	29	25.9
Xuất sắc	25	22.3

(*): Trung bình ± Độ lệch chuẩn (Giá trị nhỏ nhất - Giá trị lớn nhất)

3.2. Điểm trung bình năng lực thực hành chăm sóc của sinh viên điều dưỡng theo 9 tiêu chuẩn

Tiêu chuẩn đảm bảo an toàn và tôn trọng người bệnh, các cá nhân, gia đình và cộng đồng; tiêu chuẩn thực hiện thuốc cho người bệnh an toàn, hiệu quả lần lượt đạt điểm trung bình cao nhất là 2.31 ± 0.57 điểm và 2.29 ± 0.71 điểm. Ngược lại, Tiêu chuẩn áp dụng quy trình điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh tại các cơ sở y tế, chăm sóc tại nhà và chăm sóc sức khỏe cộng đồng phù hợp, hiệu quả có điểm trung bình thấp nhất ở cả hai nhóm (1.96 ± 0.41 với năm 3, 2.21± 0.36 với năm 4).

Bảng 2. Điểm trung bình năng lực thực hành chăm sóc của sinh viên theo 9 tiêu chuẩn (n = 112)

Tiêu chuẩn năng lực	Sinh viên năm thứ 3	Sinh viên năm thứ 4	Toàn bộ sinh viên
Tiêu chuẩn 1. Ứng dụng kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, bệnh học, khoa học điều dưỡng trong thực hành	2.05 ± 0.54	2.29 ± 0.46	2.17 ± 0.51
Tiêu chuẩn 2. Áp dụng quy trình điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh tại các cơ sở y tế, chăm sóc tại nhà và chăm sóc sức khỏe cộng đồng phù hợp, hiệu quả	1.96 ± 0.41	2.21 ± 0.36	2.09 ± 0.40
Tiêu chuẩn 3. Đảm bảo an toàn và tôn trọng người bệnh, các cá nhân, gia đình và cộng đồng	2.16 ± 0.56	2.46 ± 0.55	2.31 ± 0.57
Tiêu chuẩn 4. Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc an toàn, hiệu quả	2.04 ± 0.55	2.39 ± 0.60	2.21 ± 0.60
Tiêu chuẩn 5. Thực hiện thuốc cho người bệnh an toàn, hiệu quả	2.05 ± 0.72	2.53 ± 0.63	2.29 ± 0.71

Bảng 3. Điểm trung bình năng lực thực hành chăm sóc của sinh viên theo 9 tiêu chuẩn (n = 112)

Tiêu chuẩn năng lực	Sinh viên năm thứ 3	Sinh viên năm thứ 4	Toàn bộ sinh viên
Tiêu chuẩn 6. Đảm bảo chăm sóc liên tục	2.10 ± 0.65	2.42 ± 0.58	2.26 ± 0.64
Tiêu chuẩn 7. Xử trí kịp thời trong tình huống cấp cứu	1.67 ± 0.66	2.08 ± 0.71	1.88 ± 0.71

Tiêu chuẩn năng lực	Sinh viên năm thứ 3	Sinh viên năm thứ 4	Toàn bộ sinh viên
Tiêu chuẩn 8. Giao tiếp phù hợp với người bệnh, gia đình người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng	1.96 ± 0.70	2.48 ± 0.62	2.22 ± 0.71
Tiêu chuẩn 9. Giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng hiệu quả	1.76 ± 0.60	2.13 ± 0.61	1.95 ± 0.63

Tiêu chuẩn đảm bảo chăm sóc liên tục đạt điểm trung bình cao nhất là 2.26 ± 0.64 điểm. Ngược lại, tiêu chuẩn năng lực xử trí kịp thời trong tình huống cấp cứu (1.88 ± 0.71 điểm) và giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng (1.95 ± 0.63 điểm) của sinh viên đạt điểm trung bình thấp nhất. Tương tự khi xét riêng sinh viên theo từng năm học, tiêu chuẩn xử trí kịp thời trong tình huống cấp cứu có điểm trung bình thấp nhất trong tất cả tiêu chuẩn là 1.67 ± 0.66 điểm sinh viên năm 3 và 2.08 ± 0.71 cho sinh viên năm 4.

3.3. Phân loại năng lực thực hành chăm sóc của sinh viên điều dưỡng theo 9 tiêu chuẩn

Bảng 4. Phân loại năng lực thực hành chăm sóc của sinh viên điều dưỡng theo 9 tiêu chuẩn (n = 112)

Tiêu chuẩn năng lực	Không đáp ứng		Đáp ứng một phần		Đáp ứng tốt	
	Tần số	Tỷ lệ (%)	Tần số	Tỷ lệ (%)	Tần số	Tỷ lệ (%)
Tiêu chuẩn 1. Ứng dụng kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, bệnh học, khoa học điều dưỡng trong thực hành	4	3.6	36	32.1	72	64.3
Tiêu chuẩn 3. Đảm bảo an toàn và tôn trọng người bệnh, các cá nhân, gia đình và cộng đồng	0	0	39	34.8	73	65.2
Tiêu chuẩn 6. Đảm bảo chăm sóc liên tục	10	8.95*	25	22.3	77	**68.75***
Tiêu chuẩn 7. Xử trí kịp thời trong tình huống cấp cứu	15	13.4	52	46.4	45	**40.2**
Tiêu chuẩn 9. Giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng hiệu quả	13	11.6	42	37.5	57	50.9

**: Báo cáo dùng hai chữ số thập phân để số liệu được làm tròn một cách phù hợp nhất.*

Phân loại năng lực thực hành chăm sóc của sinh viên theo 9 tiêu chuẩn theo 3 loại, lần lượt là Không đáp ứng, Đáp ứng một phần và Đáp ứng tốt. Trong đó, năng lực đảm bảo chăm sóc liên tục; đảm bảo an toàn và tôn trọng người bệnh, các cá nhân, gia đình và cộng đồng; và ứng dụng kiến thức khoa học vào thực hành chăm sóc có tỷ lệ sinh viên đáp ứng tốt ở mức cao nhất lần lượt là 68.75%, 65.2% và 64.3%. Trong khi đó, năng lực tiêu chuẩn xử trí tình huống cấp cứu và tiêu chuẩn giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng hiệu quả ở mức thấp nhất lần lượt là 40.2% và 50.9%.

3.4. Mối liên quan giữa đặc điểm dân số và năng lực thực hành chăm sóc của sinh viên điều dưỡng theo 9 tiêu chuẩn

Bảng 5. Mối liên quan giữa đặc điểm dân số và năng lực thực hành chăm sóc của sinh viên theo 9 tiêu chuẩn (n = 112)

Đặc điểm	Năng lực chăm sóc			Tổng	*p-value*
	Không đáp ứng Tần số (Tỷ lệ)	Đáp ứng một phần Tần số (Tỷ lệ)	Đáp ứng tốt Tần số (Tỷ lệ)		
Tuổi*	21.77 ± 1.17	22.05 ± 2.50	22.62 ± 3.19	22.31 ± 2.78	**0.013[a]**

Đặc điểm		Năng lực chăm sóc			Tổng	*p-value*
		Không đáp ứng Tần số (Tỷ lệ)	Đáp ứng một phần Tần số (Tỷ lệ)	Đáp ứng tốt Tần số (Tỷ lệ)		
Năm học	Năm thứ ba	9 (16.1%)	26 (46.4%)	21 (37.5)	56	**0.01[b]**
	Năm thứ tư	4 (7.1%)	15 (26.8%)	37 (66.1%)	56	
Giới tính	Nam	3 (10%)	11 (36.7%)	16 (53.3%)	30	0.946[b]
	Nữ	10 (12.2%)	30 (36.6%)	42 (51.2%)	82	
Thời gian tự học trung bình*		2.85 ± 1.16	2.62 ± 0.97	2.84 ± 1.14	2.76 ± 1.08	0.797[a]
Học lực	Kém	5 (83.3%)	1 (16.7%)	0 (0%)	6	
	Yếu	1 (100%)	0 (0%)	0 (0%)	1	
	Trung bình	3 (27.3%)	4 (36.35%)**	4 (36.35%)**	11	**< 0.001[c]**
	Khá	4 (10%)	20 (50%)	16 (40%)	40	
	Giỏi	0 (0%)	12 (41.4%)	17 (58.6%)	29	
	Xuất sắc	0 (0%)	4 (16%)	21 (84%)	25	

**: Trung bình ± Độ lệch chuẩn;*

***: Báo cáo dùng hai chữ số thập phân để số liệu được làm tròn một cách phù hợp nhất.*

[a]: Kiểm định Kruskal-Wallis; [b]: Kểm định Chi bình phương; [c]: Kiểm định Fisher's Exact.

Tuổi và học lực của sinh viên có sự khác biệt giữa các nhóm và tăng dần với năng lực thực hành chăm sóc, sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với giá trị p lần lượt là 0.013 và < 0.001 (p < 0.05). Nhóm nghiên cứu chưa tìm thấy mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa giới tính và thời gian tự học trung bình với năng lực thực hành chăm sóc của sinh viên (p > 0.05).

4. BÀN LUẬN

4.1. Điểm trung bình năng lực thực hành chăm sóc của sinh viên điều dưỡng theo 9 tiêu chuẩn

Nghiên cứu cho thấy năng lực thực hành chăm sóc của sinh viên điều dưỡng đạt mức khá đến tốt, với điểm trung bình dao động từ 1.88 ± 0.71 đến 2.31 ± 0.57 trên thang điểm 3. Tiêu chuẩn "Đảm bảo an toàn và tôn trọng người bệnh" có điểm cao nhất (2.31 ± 0.57), tương đồng với kết quả của Nguyễn Thị Ngọc Hân [13] và Nguyễn Thị Hải (2022) [14], cho thấy sinh viên có nhận thức tốt về đạo đức nghề nghiệp và quyền người bệnh. Tiêu chuẩn "Thực hiện thuốc an toàn, hiệu quả" cũng đạt điểm cao (2.29 ± 0.71), đặc biệt sinh viên năm 4 đạt 2.53 ± 0.63, phản ánh hiệu quả tích lũy qua thực tập lâm sàng. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Trần Thị Hằng (2022) [15], ghi nhận sinh viên năm cuối có năng lực sử dụng thuốc tốt hơn. Tiêu chuẩn "Đảm bảo chăm sóc liên tục" đạt 2.26 ± 0.64, cao hơn kết quả trong nghiên cứu của Nguyễn Thị Ngọc Hân [13], cho thấy sự cải thiện về kỹ năng phối hợp chăm sóc trong chương trình đào tạo. Ngược lại, các tiêu chuẩn "Xử trí cấp cứu" (1.88 ± 0.71) và "Giáo dục sức khỏe" (1.95 ± 0.63) đạt điểm thấp nhất. Sinh viên năm 3 chỉ đạt 1.67 ± 0.66 ở xử trí cấp cứu, thấp hơn sinh viên năm 4 (2.08 ± 0.71), phản ánh hạn chế trong phản ứng và kỹ năng thực tế. Tình trạng này cũng được Nguyễn Thị Hải [14] ghi nhận, khi nhiều sinh viên còn thiếu tự tin trong các tình huống cấp cứu. Sự khác biệt điểm số giữa sinh viên năm 3 và năm 4 cho thấy quá trình đào tạo và thực hành lâm sàng có tác động tích cực đến năng lực thực hành lâm sàng (NLTHLS). Tuy nhiên, các kỹ năng còn yếu như xử trí cấp cứu và giáo dục sức khỏe cần được chú trọng hơn trong chương trình đào tạo, thông qua việc tích hợp mô phỏng và tình huống thực tế. Việc nâng cao toàn diện NLTHLS sẽ giúp sinh viên đáp ứng tốt hơn yêu cầu nghề nghiệp và nâng cao chất lượng chăm sóc người bệnh.

4.2. Phân loại năng lực thực hành chăm sóc của sinh viên điều dưỡng theo 9 tiêu chuẩn

Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên điều dưỡng có năng lực cao nhất ở các tiêu chuẩn như: đảm bảo chăm sóc liên tục, đảm bảo an toàn và tôn trọng người bệnh, và ứng dụng kiến thức khoa học vào thực hành chăm sóc. Điều này phản ánh chương trình đào tạo hiện nay đang tập trung vào việc xây dựng nền tảng kiến thức vững và kỹ năng chăm sóc cơ bản, nhân văn - những yếu tố cốt lõi

của nghề điều dưỡng. Ngược lại, các năng lực như xử trí tình huống cấp cứu, giáo dục sức khỏe, và giao tiếp chuyên nghiệp với người bệnh và đồng nghiệp có tỷ lệ sinh viên không đáp ứng cao nhất. Đây là những kỹ năng đòi hỏi sự thuần thục trong thực hành và kinh nghiệm lâm sàng, vốn chưa được chú trọng đúng mức trong đào tạo hiện nay. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Nguyễn Thị Ngọc Hân và cộng sự (2022) tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ [13], khi sinh viên đạt cao ở tiêu chuẩn kiến thức và chăm sóc an toàn, nhưng còn hạn chế ở kỹ năng cấp cứu và giáo dục sức khỏe. Trần Thị Hằng (2022) tại Trường Đại học Y Dược Huế [15] cũng ghi nhận sinh viên thiếu chủ động trong xử trí cấp cứu và chỉ thực hiện tốt dưới sự hướng dẫn. Nguyễn Thị Hải tại Trường Đại học Đông Á [14] cho thấy kỹ năng giao tiếp và ứng phó lâm sàng của sinh viên năm cuối chưa đạt yêu cầu, nhiều sinh viên vẫn phụ thuộc vào giảng viên hoặc nhân viên y tế. Điểm chung của các nghiên cứu cho thấy cần được chú trọng trong chương trình đào tạo điều dưỡng, đó là tăng cường đào tạo chuyên sâu và thực hành thực tế về kỹ năng cấp cứu, kỹ năng giáo dục sức khỏe, và kỹ năng giao tiếp lâm sàng, nhằm nâng cao tính phản xạ, khả năng ứng biến và xây dựng mối quan hệ chuyên nghiệp với người bệnh.

4.3. Mối liên quan giữa đặc điểm dân số và năng lực thực hành chăm sóc của sinh viên điều dưỡng theo 9 tiêu chuẩn

Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên điều dưỡng năm 4 có năng lực thực hành chăm sóc cao hơn sinh viên năm 3, với sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p = 0.01$). Điều này phản ánh quá trình đào tạo và thực hành lâm sàng theo thời gian giúp sinh viên năm cuối tích lũy kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm, tương tự kết quả của Nguyễn Thị Ngọc Hân [13]. Ngoài ra, tuổi tác ($p = 0.013$) và học lực ($p < 0.001$) cũng có mối liên quan chặt chẽ với năng lực thực hành, cho thấy sinh viên lớn tuổi hơn và có kết quả học tập tốt hơn thường đạt năng lực cao hơn. Kết quả này tương đồng với các nghiên cứu quốc tế như của F. T. Madjid [16], M. Hailu [7] và T. Y. Yezengaw [17], trong đó xác định rằng GPA, tuổi tác và thời gian thực hành lâm sàng là những yếu tố dự báo quan trọng đối với năng lực lâm sàng của sinh viên. Ngược lại, nghiên cứu không tìm thấy mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa giới tính và thời gian tự học với năng lực thực hành ($p > 0.05$), phù hợp với các nghiên cứu trong nước như của Trần Thị Hằng [15], Nguyễn Thị Hải [14], và các nghiên cứu quốc tế của Madjid [16] và Yezengaw [17], đều cho thấy giới tính không ảnh hưởng đáng kể đến năng lực thực hành chăm sóc. Như vậy, kết quả nghiên cứu hiện tại phù hợp với xu hướng chung trong nước và quốc tế, cho thấy sự ảnh hưởng tích cực của năm học, tuổi tác và học lực đến năng lực thực hành, trong khi giới tính và thời gian tự học cá nhân lại không có vai trò quyết định.

5. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

5.1. Kết luận

Năng lực đảm bảo chăm sóc liên tục; đảm bảo an toàn và tôn trọng người bệnh, các cá nhân, gia đình và cộng đồng và ứng dụng kiến thức khoa học vào thực hành chăm sóc có tỷ lệ sinh viên đáp ứng tốt ở mức cao nhất lần lượt là 68.75%, 65.2% và 64.3%. Trong khi đó, năng lực tiêu chuẩn xử trí tình huống cấp cứu và tiêu chuẩn giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng hiệu quả ở mức thấp nhất lần lượt là 40.2% và 50.9%.

Sinh viên điều dưỡng năm 4 có năng lực thực hành chăm sóc tốt hơn so với sinh viên năm 3, sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với giá trị $p = 0.01$ ($p < 0.05$). Tuổi và học lực của sinh viên có sự khác biệt giữa các nhóm và tăng dần với năng lực thực hành chăm sóc, sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với giá trị p lần lượt là 0.013 và < 0.001 ($p < 0.05$).

5.2. Kiến nghị

Cần tổ chức các khóa học thực hành chuyên sâu, mô phỏng tình huống cấp cứu và rèn luyện kỹ năng truyền thông - giáo dục sức khỏe cho sinh viên điều dưỡng, đặc biệt tập trung vào đối tượng sinh viên năm 3 - những người còn hạn chế về kinh nghiệm lâm sàng.

Do sinh viên năm 4 có năng lực thực hành lâm sàng cao hơn, cần tạo điều kiện để sinh viên năm dưới học hỏi từ sinh viên năm trên thông qua các hoạt động giao lưu chuyên môn, nhóm học tập liên khóa hoặc cố vấn học tập giữa các năm.

Dù sinh viên có thời gian tự học trung bình 2.8 giờ/ngày, việc triển khai các chương trình hỗ trợ học tập như tổ chức nhóm học tập, cung cấp tài liệu học tập trực tuyến, và hướng dẫn phương pháp học hiệu quả sẽ góp phần nâng cao chất lượng tự học và tăng cường năng lực thực hành.

LỜI CẢM ƠN

Chúng tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng, Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh đã hướng dẫn; Phòng Quản lý Khoa học - Tạp chí Khoa học đã giúp đỡ và đóng góp quý báu của các bạn sinh viên điều dưỡng năm 3 và năm 4. Nghiên cứu này được tài trợ của Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng theo mã số GVTC18.32.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] H. Tamsah, "Soft skill competency and employees' capacity as the intervening factors between training effectiveness and health workers' performance," *Cogent Business & Management,* vol. 10, no. 1, p. 2199493, 2023.

[2] I. Krishernawan, "Competency Development Strategies for Employees in the Context of Community Empowerment," *Jurnal Terobosan Peduli Masyarakat (TIRAKAT),* vol. 1, no. 1, pp. 39-49, 2024.

[3] H. Liang, "Nursing students' first-time experiences in pediatric clinical practice in Taiwan: A qualitative study," *Nurse Education Today,* vol. 91, p. 104469, 2020.

[4] J. C. Jin Meijua, "The correlation of meta-cognitive ability, self-directed learning ability and critical thinking in nursing students: A cross-sectional study," *Nursing open,* vol. 8, no. 2, pp. 936-945, 2021.

[5] Y. Hwang, "The relationship between self-directed learning and problem-solving ability: The mediating role of academic self-efficacy and self-regulated learning among nursing students," *International Journal of Environmental Research and Public Health,* vol. 18, no. 4, p. 1738, 2021.

[6] K. Roush, A. Opsahl, and M. Ferren, "Developing an internship program to support nursing student transition to clinical setting," *Journal of Professional Nursing,* vol. 37, no. 4, pp. 696-701, 2021.

[7] M. W. Mickiale Hailu, A. Haftu, "Clinical practice competence and its associated factors among midwifery and nursing students at Dire Dawa Health Sciences Colleges, East Ethiopia, 2020," (in eng), *Adv Med Educ Pract,* vol. 12, pp. 1539-1547, 2021.

[8] C.-M. C. Pei-Lun Hsieh, "Long term care nursing competence and related factors among Taiwanese nurses: A national survey for those who completed the LTC training course," *Geriatric Nursing,* vol. 38, no. 3, pp. 192-198, 2017/05/01/ 2017.

[9] C. X. Lingxi Chen, Y. Zhou,, "Clinical internship experience of African undergraduate nursing students in China: a descriptive qualitative study," *BMC Medical Education,* vol. 25, no. 1, pp. 1-9, 2025.

[10] X. Tan, "Facilitators and barriers of African postgraduate nursing students' adaptation to internship: A qualitative study," *Nurse Education Today,* vol. 119, p. 105534, 2022.

[11] X. V. Wu, K. Enskär, L. H. Pua, D. G. N. Heng, and W. Wang, "Clinical nurse leaders' and academics' perspectives in clinical assessment of final-year nursing students: A qualitative study," *Nursing & health sciences,* vol. 19, no. 3, pp. 287-293, 2017.

[12] Bộ Y tế, "Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam. Quyết định số 3474/QĐ-BYT của Bộ Y tế, Hà Nội," (in viet), *Thư viện Pháp luật,* vol. 168 (7), 2022.

[13] N. T. N. Hân, "Năng lực thực hành chăm sóc của sinh viên Điều dưỡng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ," *Tạp chí Y Dược học Cần Thơ,* no. 60, pp. 172-178, 06/29 2023.

[14] N. T. Hải, P. N. T. Hân, N. T. B. Trân, N. M. T. Hiền, T. T. Vân, L. T. Hà, "Năng lực thực tập lâm sàng của sinh viên điều dưỡng và một số yếu tố liên quan tại Trường Đại học Đông Á," *Tạp chí Khoa học Đại học Đông Á*, *3*(3), 2024.

[15] T. T. Hằng, T. N. M. Đức, N. T. A. Phương, T. T. Nguyệt, "Khảo sát năng lực thực hành lâm sàng của sinh viên điều dưỡng và các yếu tố liên quan," *Tạp chí Y Dược học*, 22, 2022. DOI: 10.34071/jmp.2022.6.3

[16] F.T. Madjid, "Factors Influencing the Clinical Competency among Nursing Students: A Cross-Sectional Study," *Hail Journal of Health Sciences,* vol. 5, no. 1, 2023.

[17] T. Y. Yezengaw *et al.*, "Clinical practice competence and associated factors among undergraduate midwifery and nursing sciences students at Bahir Dar city, Northwest Ethiopia," (in eng), *Ann Med Surg (Lond),* vol. 86, no. 2, pp. 734-741, Feb 2024.

Assessment of the care practice competency of nursing students at Hong Bang International University

Nguyen Thi Phuong Uyen, Nguyen Phan Dieu Hien

ABSTRACT

Introduction: The assessment of clinical competence among nursing students is a global concern. Objective: The study aims to assess the care practice competency of nursing students and identify the factors affecting this competency. Subject sand Methods: A cross-sectional study was conducted with 112 third- and fourth-year nursing students at Hong Bang International University. Data were collected through surveys and analyzed using statistical methods. Results: Among the participants, 73.2% were female, with a mean age of 22.3 ± 2.8 years. The average self-study time was 2.8 hours per day. Regarding academic performance, 35.7% of students were classified as good, 25.9% very good, and 22.3% excellent. Students showed high competence in continuous care (68.75%), ensuring patient safety and respect (65.2%), and applying scientific knowledge in practice (64.3%). However, their competence in emergency response (40.2%) and community health education (50.9%) remained limited. Fourth-year students demonstrated significantly better competence than third-year students (p = 0.01). Age and academic performance were also significantly associated with clinical competence (p = 0.013 and < 0.001, respectively). Conclusion: It is necessary to implement targeted strategies to enhance students' clinical competence. These improvements will contribute to better training quality and meet the growing demands of the nursing profession in real-world healthcare settings.

Keywords: *clinical competence, clinical practice, nursing care practice, nursing students, nursing*

Received: 24/5/2025
Revised: 26/6/2025
Accepted for publication: 30/6/2025